

Số: **314** /QĐ-UBND

Bình Định, ngày **01** tháng **02** năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng trực tiếp tham gia
kháng chiến chống Mỹ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg
ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 12/TTr-SLĐTBXH ngày 29/01/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh sách và mức chi trả trợ cấp một lần cho 26 người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ với tổng số tiền là: 78.850.000 đồng (*Bảy mươi tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*).
Cụ thể:

Tổng số	:	26 người	Số tiền:	78.850.000 đồng
+ Sống	:	11 người	Số tiền:	24.600.000 đồng
+ Từ trần	:	07 người	Số tiền:	30.000.000 đồng
+ Liệt sỹ	:	08 người	Số tiền:	24.250.000 đồng

Nguồn kinh phí chi trả do ngân sách Trung ương đảm bảo.

Điều 2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc chi trả theo đúng qui định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PCT Mai Thanh Thắng;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K16.

Mt gh

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Thanh Thắng

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG B,C,K (II)

Được hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg

(Kèm theo Quyết định số: 314/QĐ-CTUBND ngày 01/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh	Nguyên quán	Chỗ ở hiện nay	Sống hay từ trần	Thời gian ở chiến trường B,C,K		Số năm được hưởng	Mức hưởng (đồng)	Ghi chú
						Năm	Tháng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Cao Văn Lễ	1950	xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn	phường Nguyễn Văn Cừ, T.phố Quy Nhơn	Sống	2	9	3,0	1.500.000	
2	Nguyễn Thị Long	1955	xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	Thị trấn Ngô Mỹ, huyện Phù Cát	Sống	2	1	2,5	1.250.000	
3	Huỳnh Thị Định	1953	xã An Hòa, huyện An Lão	xã An Hòa, huyện An Lão	Sống	6	3	6,5	3.250.000	
4	Đinh Văn Niêu	1958	xã An Dũng, huyện An Lão	xã An Dũng, huyện An Lão	Sống	3	4	3,5	1.750.000	
5	Võ Thị Xuân	1949	xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn	xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn	Sống	6	2	6,5	3.250.000	
6	Trần Thanh Truyền	1949	xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn	xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn	Sống	2	2	3,5	1.750.000	
7	Phan Diên	1950	xã Hoài Thanh Tây, huyện Hoài Nhơn	xã Hoài Thanh Tây, huyện Hoài Nhơn	Sống	1	2	1,5	600.000	ĐT 3
						1	11	2,0	1.000.000	ĐT 2
8	Lê Hào	1937	xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	Sống	10	2	10	4.000.000	ĐT 3
						1	1	1,5	750.000	ĐT 2
9	Phạm Minh Tấn	1953	xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước	xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước	Sống	2	9	2,5	1.000.000	ĐT 3
						1	1	1,5	750.000	ĐT 2
	Cộng								20.850.000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	Đặng Văn Quý	1952	xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	Sống	2	5	2,5	1.000.000	ĐT 3
						1	2	1,5	750.000	ĐT 2
11	Đặng Văn Nhảy	1950	xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ	xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ	Sống	3	8	4,0	2.000.000	
	Cộng								3.750.000	
	Tổng cộng								24.600.000	

gh

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG B,C,K (II)
Được hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg
(Kèm theo Quyết định số: 314 /QĐ-CTUBND ngày 01 /02/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh	Nguyên quán	Chỗ ở hiện nay	Sống hay tử trần	Thời gian ở chiến trường B,C,K		Số năm được hưởng	Mức hưởng (đồng)	Ghi chú
						Năm	Tháng			
1	Phan Văn Hai	1936	xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	Thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát	Chết	2	10	3,0	1.500.000	
2	Đinh Văn Túa	1917	xã An Vinh, huyện An Lão	xã An Vinh, huyện An Lão	Chết	7	3	7,5	3.750.000	NĐ 23
3	Đinh Văn Đức	1933	xã An Dũng, huyện An Lão	xã An Dũng, huyện An Lão	Chết	5 7	10 6	13,5	6.750.000	
4	Nguyễn Đình Trung	1924	xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn	xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn	Chết	10	8	11,0	5.500.000	
5	Nguyễn Văn Đây	1920	Xuân Quang, Đồng Xuân, Phú Yên	xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước	Chết	13	3	13,5	6.750.000	NĐ 23
6	Lê Minh Khánh	1955	xã Phước Quang, huyện Tuy Phước	xã Phước Quang, huyện Tuy Phước	Chết	1	8	2,0	1.000.000	
7	Phùng Văn Kha	1940	xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	Chết	9	4	9,5	4.750.000	
	Cộng								30.000.000	

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG B,C,K (II)
Được hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg
(Kèm theo Quyết định số: 314 /QĐ-CTUBND ngày 01 /02/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh	Nguyên quán	Chỗ ở hiện nay	Sống hay từ trần	Thời gian ở chiến trường B,C,K		Số năm được hưởng	Mức hưởng (đồng)	Ghi chú
						Năm	Tháng			
1	Trần Chơn	1917	xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn	phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn	Liệt sỹ	9	5	9,5	4.750.000	
2	Trần Cao Thắng	1947	xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước	phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	Liệt sỹ	5	2	5,5	2.750.000	
3	Phan Thành Tài	1925	xã Cát Trinh, huyện Phù Cát	Thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát	Liệt sỹ	1	9	2,0	1.000.000	NĐ 23
4	Lê Văn Khả	1942	xã Cát Chánh, huyện Phù Cát	xã Cát Hưng, huyện Phù Cát	Liệt sỹ	3	6	4,0	2.000.000	
5	Nguyễn Ngọc Trân	1933	xã Cát Thắng, huyện Phù Cát	xã Cát Thắng, huyện Phù Cát	Liệt sỹ	9	3	9,5	4.750.000	
6	Lê Văn Hạo		xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn	xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn	Liệt sỹ	3	10	4,0	2.000.000	
7	Đoàn Phụng	1930	xã Phước Quang, huyện Tuy Phước	xã Phước Quang, huyện Tuy Phước	Liệt sỹ	7	5	7,5	3.750.000	NĐ 23
8	Nguyễn Văn Thành	1935	xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ	xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ	Liệt sỹ	6	4	6,5	3.250.000	
	Cộng								24.250.000	